|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ý chính | Lọc ý | Ghi chú |
| **Chương 1:** GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC |
| Câu 1: Giáo dục học là gì | - Giáo dục học là một khoa học- Giáo dục học được coi là khoa học nghiên cứu bản chất, quy luật, các khuynh hướng và tương lai phát triển của quá trình giáo dục |  |
| Câu 2: Đối tượng nghiên cứu của giáo dục học | -Giáo dục là phạm trù xã hội chỉ có ở con người.-Đối tượng của Giáo dục là quá trình giáo dục toàn vẹn, hiện thực có mục đích, được tổ chức trong một xã hội nhất định |  |
| Câu 3: Giáo dục là một hiện tượng giáo dục đặc biệt vì | -Là đảm bảo được cơ chế di truyền và cơ chế di sản - chính giáo dục đảm bảo được cơ chế thứ hai.- Là quá trình thống nhất của sự hình thành tinh thần và thể chất của mỗi cá nhân trong xã hội. - Giáo dục đóng vai trò như một mặt không thể tách rời của cuộc sống con người, của xã hội. Nó là một hiện tượng của xã hội. |  |
| Câu 4: Giáo dục hướng con người đến những cái hay, cái đẹp, cái tốt, phát huy những yếu tố tích cực trong mỗi con người nhằm phát triển và hoàn thiện nhân cách mỗi người. Đó là tính nhân văn | - Tính nhân văn trong giáo dục đó là quan niệm giáo dục có nhiệm vụ đào tạo con người phát triển toàn diện về nhân cách. Với chủ nghĩa nhân văn trong giáo dục được áp dụng bước đầu thông qua việc giảng dạy các ý tưởng và học thuyết. - Những suy nghĩ được nuôi dưỡng đầy đủ bởi các tư tưởng chủ nghĩa hiện thực, tự do và chính trực. Loại mô hình nhân văn này trong giáo dục sẽ giúp giải quyết được các vấn đề về khía cạnh tâm lý, thể chất, tình cảm, đạo đức và xã hội của con người. |  |
| Câu 5: Chức năng kinh tế - sản xuất của giáo dục thể hiện qua việc | - Giáo dục phải gắn kết với thực tiễn xã hội, đáp ứng nguồn nhân lực theo yêu cầu phát triển kinh tế - sản xuất trong từng giai đoạn cụ thể. - Xây dựng một hệ thống giáo dục quốc dân cân đối, đa dạng nhằm thực hiện ba mục tiêu: Lấy nâng cao dân trí làm nền tảng đào tạo nhân lực; trên cơ sở đó bồi dưỡng nhân tài cho tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, khoa học, công nghệ v.v. làm động lực trực tiếp thúc đẩy đất nước phát triển hoà nhập với thế giới văn minh. - Hệ thống giáo dục quốc dân không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp, phương tiện v.v... Việc nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao và những phẩm chất cần thiết đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất hiện đại là vấn đề đang đặt ra cho các quốc gia phải quan tâm giải quvết.  |  |
| Câu 6: Giáo dục tạo ra nguồn nhân lực cho xã hội cho nên giáo dục được cho là có chức năng kinh tế - sản xuất cho xã hội  | - Nguồn nhân lực chất lượng cao là lực lượng lao động có học vấn, trình độ chuyên môn cao và nhất là có khả năng sáng tạo, linh hoạt, thích ứng nhanh với những biến đổi nhanh chóng của công nghệ sản xuất, của ngành nghề, đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.- Nguồn nhân lực này không thể tự phát hình thành, phát triển mà phải được giáo dục - đào tạo, bồi dưỡng một cách có kế hoạch, có nội dung, chương trình, phương pháp nhất định. Như vậy, lĩnh vực giáo dục, đào tạolà khâu quan trọng quyết định tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao.- Giáo dục, đào tạo giúp cho người học có tri thức, trình độ chuyên môn, trình độ tư duy đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. |  |
| Câu 7: Ý nghĩa thể hiện chức năng kinh tế - sản xuất của giáo dục | - Giáo dục phải gắn kết với thực tiễn xã hội, đáp ứng nguồn nhân lực theo yêu cầu phát triển kinh tế - sản xuất trong từng giai đoạn cụ thể. - Xây dựng một hệ thống giáo dục quốc dân cân đối, đa dạng nhằm thực hiện ba mục tiêu: Lấy nâng cao dân trí làm nền tảng đào tạo nhân lực; trên cơ sở đó bồi dưỡng nhân tài cho tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, khoa học, công nghệ v.v. làm động lực trực tiếp thúc đẩy đất nước phát triển hoà nhập với thế giới văn minh. |  |
| **Chương 2**: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI |
| Câu 8: Mục đích quá trình giáo dục | + Tổ chức hoạt động,giao lưu+ Hướng dẫn người được giáo dục hình thành và phát triển phẩm chất |  |
| Câu 9: Chức năng trội của giáo dục | +Trau dồi học vấn+Truyền thụ hệ thống tri thức khoa học+ Tác động về mặt nhận thức và hình thành cho họ sự vững chắc về hệ thống tri thức và kĩ năng |  |
| Câu 10: Quá trình hoạt động nhằm tạo ra cơ sở của thế giới quan lí tưởng đạo đức, thái độ thẩm mỹ | Là quá trình giáo dục (nghĩa hẹp) | Là quá trình giáo dục (nghĩa hẹp):+ Dưới sự tổ chức, lãnh đạo có mục đích các loại hình hoạt động phong phú.+ Các mối quan hệ nhiều mặt của người được giáo dục đối với người khác, với thế giới xung quanh+ Các dạng giao lưu đa dạng giữa họ với nhau và giữa họ vói người lớn tuổi khác nhằm hình thành cho người được giáo dục quan điểm, niềm tin, định hướng giá trị, lý tưởng, động cơ, thái độ, kỹ năng, kỹ xảo, thói quen đối xử trong các quan hệ chính trị, đạo đức, pháp luật, thẩm mỹ, lao động, vệ sinh và các hành vi ứng xử khác thuộc các lĩnh vực của đời sống xã hội. |
| Câu 11: Nối các khái niệm | A.giáo dục(nghĩa rộng) =>4.quá trình hình thành nhân cách con ngườiB.giáo dục(nghĩa hẹp) =>3.quá trình tổ chức hoạt động để hình thành thái độ,niềm tin,hành vi,cách ứng xửC.dạy học =>2.tổ chức hoạt động nhận thức,giúp người học lĩnh hội kiến thức,kỹ năng,kĩ xảoD.tự giáo dục => 1.quá trình cá nhân tự trao dồi,tiếp thu cái tốt,loại trừ ảnh hưởng xấu |  |
| Câu 12: Trong bất kì một chế độ xã hội hay có một giai cấp lịch sử nào thì mục đích của giáo dục vẫn là truyền thụ cho thế hệ trẻ những kinh nghiệm xã hội, giá trị văn hóa, tinh thần của loài người và dân tộc |  Xã hội loài người đã trải qua nhiều chế độ xã hội khác nhau, nhiều phương thức sản xuất khác nhau, vị trí, vai trò của giáo dục trong từng chế độ đó cũng được quan niệm khác nhau, nhưng ý nghĩa xã hội to lớn của nghề dạy học là không ai phủ nhận được. Nhìn chung, các dân tộc trên thế giới qua các thời đại đều đánh giá cao vai trò của giáo dục. |  |
| Câu 13: Đối với giáo dục học, triết học đóng vai trò | Triết học có vai trò+ Chức năng thế giới quan+ Chức năng phương pháp luận |  |
| Câu 14: Một trong những nguyên tắc cơ bản của Ủy ban quốc tế về giáo dục thế kỉ XXI đề ra cho các nhà quản lí giáo dục và lực lượng giáo dục | - Giáo dục là trách nhiệm của toàn xã hội,của tất cả mọi người | - Bốn trụ cột mà Ủy ban Quốc tế về giáo dục thế kỷ XXI đề cập đến, đó là học để biết, học để làm, học để cùng chung sống với nhau và học để làm người. |
| Câu 15: Đặc điểm của xã hội hiện đại | + Xu thế toàn cầu hóa+ cuộc cách mạng khoa học, công nghệ+Phát triển nền kinh tế tri thức |  |
| **Chương 3**: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NHÂN CÁCH |
| Câu 16:Nhân cách | + Là những phẩm chất và năng lực có giá trị đối với cá nhân và xã hội+ Là tổng hợp những phẩm chất, năng lực không thành bất biến của cá nhân mà nó thường xuyên vận động, biến đổi theo chuẩn mực, giá trị xã hội.+ Gồm hai mặt: Mặt tự nhiên và mặt xã hội ( mặt XH đặc biệt quan trọng vì nó thể hiện đặc thù nhân cách của mỗi người ) |  |
| Câu 17: Đứa bé mới sinh ra đã có nhân cách | + Đứa bé mới sinh ra chưa biểu hiện được nhân cách+ Nhân cách là một thuộc tính tâm lí được hình thành và phát triển qua những hoạt động, giao lưu trong cuộc sống  |  |
| Câu 18: Sự phát triển nhân cách  | + Phát triển về thể chất ( chiều cao, cân nặng, ...)+ Phát triển về tâm lí ( xúc cảm, tình cảm, ý chí,...)+ Phát triển về xã hội ( thái độ, hành vi ứng xử với mọi người,...) | Sự phát triển nhân cách là một quá trình cải biến toàn bộ các sức mạnh về thể chất và tinh thần cả về lượng và chất |
| Câu 19: Môi trường xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách  | Trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách thì môi trường xã hội ( gia đình, bạn bè, tập thể lớp, trường v.v...) thông qua các mối quan hệ vô cùng phong phú có ý nghĩa quan trọng đặc biệt. |  |
| Câu 20: Vận dụng yếu tố di truyền-bẩm sinh như thế nào trong giáo dục | + Cần quan tâm đúng mức những đặc điểm của mỗi học sinh+ Không đề cao quá mức các ảnh hưởng của yếu tố di truyền - bẩm sinh+ Không nên tổ chức giáo dục theo mức độ mà di truyền-bẩm sinh quy định  |  |
| Câu 21: Sinh viên cần phải vừa rèn luyện đạo đức, vừa rèn luyện tri thức | + Xã hội yêu cầu con người phải hội tụ đủ 2 yếu tố ( đức và tài )+ Quá trình đạo tạo ở ĐH, CĐ là quá trình hình thành nhân cách toàn diện cho sinh viên |  |
| Câu 22: Điều kiện để con người tài năng trong một lĩnh vực nào đó | + Điều kiện xã hội thuận lợi+ Có tư chất di truyền thuận lợi + Có hoạt động giao tiếp cá nhân tích cực. |  |
| Câu 23: Ý KHÔNG đúng | Cha mẹ di truyền cho thế hệ sau những phẩm chất và năng lực của nhân cách  |  |
| Câu 24: Môi trường tự nhiên ảnh hưởng tới sự phát triển nhân cách | + Môi trường tự nhiên là điều kiện sinh thái, địa lý+ Giữ vai trò quyết định gián tiếp |  |
| Câu 25: Môi trường xã hội là nguồn gốc của sự phát triển cá nhân | + Môi trường xã hội do con người tạo nên+ Nếu không có môi trường xã hội thì những tư chất có tính người không thể phát triển được+ Góp phần tạo mục đích, động cơ, phương tiện, điều kiện cho hoạt động, giao lưu cá nhân+ Là nơi trao đổi tri thức, kinh nghiệm sống |  |
| Câu 26: Giáo dục ( vai trò ) | + Giáo dục giữ vai trò chủ đạo+ Thúc đẩy quá trình phát triển nhân cách toàn diện+ Hình thành năng lực ngăn ngừa, đấu tranh với những ảnh hưởng tiêu cực+ Năng lực và nhu cầu của con người ngày càng phong phú và đa dạng+ Nâng cao sức mạnh thể chất và sức mạnh tinh thần của con người |  |
| Câu 27: Cá nhân | + Là 1 con người+ Là 1 thành viên trong xã hội loài người+ Có những nét riêng lẻ để phân biệt với các thành viên khác trong một tập thể |  |
| Câu 28: Sản phẩm của giao tiếp cá nhân  | Các mối quan hệ xã hội |  |
| Câu 29: Điều kiện để giáo dục giữ vai trò chủ đạo trong phát triển nhân cách | + Giáo dục cần cải tạo môi trường sống làm cho nó ngày càng văn minh, lành mạnh+ GD phải diễn ra trong một quá trình có sự đồng bộ của những thành tố như mục đích, nội dung, phương pháp + Nhà giáo dục phải có đủ phẩm chất và năng lực để làm tốt công tác GD+ Không coi “ GD là vạn năng ”, không ảo tưởng dùng giáo dục để thay đổi XH |  |
| Câu 30: Vai trò của yếu tố môi trường trong sự hình thành và phát triển nhân cách | + Môi trường là điều kiện cho sự hình thành và phát triển nhân cách+ Nhân cách chỉ hình thành và phát triển trong một môi trường nhất định. |  |
| Câu 31; Lứa tuổi THPT ( 15-18t )  | + Có nhu cầu bộc lộ bản thân để tự khẳng định trở nên mạnh mẽ hơn+ Thích chia sẻ với bạn bè hoặc đối diện với chính mình trên những trang nhật ký+ Là giai đoạn đầu của tuổi trưởng thành+ Chưa có nhiều trải nghệm dễ dẫn đến sai lầm |  |
| **Chương 4:** MỤC ĐÍCH VÀ NGUYÊN LÝ GIÁO DỤC |
| Câu 32: Trong bất kì một chế độ xã hội hay có một giai cấp lịch sử nào thì mục đích của giáo dục vẫn là truyền thụ cho thế hệ trẻ những kinh nghiệm xã hội, giá trị văn hóa, tinh thần của loài người và dân tộc | + Xã hội loài người đã trải qua nhiều chế độ xã hội khác nhau, nhiều phương thức sản xuất khác nhau, vị trí, vai trò của giáo dục trong từng chế độ đó cũng được quan niệm khác nhau, nhưng ý nghĩa xã hội to lớn của nghề dạy học là không ai phủ nhận được.+ Nhìn chung, các dân tộc trên thế giới qua các thời đại đều đánh giá cao vai trò của giáo dục. |  |
| Câu 33: Mô hình nhân cách con người mà mỗi thời đại cần giáo dục và đào tạo được phản ánh tậ trung ở mục đích giáo dục | + Ở bình diện xã hội, mục đích giáo dục là đào tạo một thế hệ công dân mới có những phẩm chất đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hộinhập quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa của dân tộc và nhân loại, có ý thức xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.+ Ở bình diện cá nhân, mục đích giáo dục là hình thành những công dân có ý thức, biết sống hòa nhập với cộng đồng, biết vươn lên tự khẳng định mình trong một xã hội năngđộng, phát triển |  |
| Câu 34: Chức năng công cụ của mục đích giáo dục | Quy định nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và các con đường giáo dục |  |
| Câu 35: Chức năng định hướng của mục đích giáo dục | Quy định việc lựa chọn nội dung, chương trình, phương pháp và các hình thức tổ chức giáo dục |  |
| Câu 36: Mục tiêu giáo dục là sự cụ thể hóa của mục đích giáo dục vào nội dung, phương pháp dạy học | Mục tiêu của giáo dục là cung cấp cho học sinh, sinh viên hoặc các cá nhân tham gia đào tạo các kiến thức, kỹ năng và giá trị cần thiết để họ có thể phát triển tối đa tiềm năng của mình và trở thành các thành viên có ích trong xã hội.Một số mục tiêu cụ thể của giáo dục bao gồm:– Phát triển tư duy sáng tạo và logic, kỹ năng giải quyết vấn đề và khả năng tư duy phản biện.– Nâng cao kiến thức và kỹ năng về các lĩnh vực khác nhau, bao gồm khoa học, công nghệ, văn hóa, xã hội và tâm lý.– Phát triển kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, lãnh đạo, hợp tác và tư duy độc lập.– Hỗ trợ sinh viên phát triển tài năng và khả năng của mình để đáp ứng các yêu cầu của công việc và đời sống.– Giáo dục cũng có mục tiêu xã hội như giúp sinh viên trở thành những công dân có ích trong xã hội và đóng góp cho cộng đồng. |  |
| Câu 37: Mục đích của giáo dục  | + Kết quả mong muốn của quá trình giáo dục+ Sản phẩm dự kiến của hoạt động giáo dục+ Nhân cách của học sinh |  |
| Câu 38: Mục tiêu giáo dục tổng quát đối với sự phát triển cá nhân ở nước ta  | + Nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp. + Có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân+ Có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội+ Phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân+ Nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế. |  |
| Câu 39: Mục đích của giáo dục được hình thành trên cơ sở | + Dựa trên những yêu cầu của đất nước, thời đại xu thế phát triển của nền giáo dục quốc gia và quốc tế+ Chiến lược phát triển xã hội, phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ của quốc gia+ Điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội, những kinh nghiệm và truyền thống giáo dục |  |
| Câu 40: Tính giai cấp của giáo dục tập trung nhất ở mục đích của GD | Trong xã hội có giai cấp thì giáo dục mang tính giai cấp rõ rệt.+ Ứng với mỗi giai cấp khác nhau có một nền giáo dục khác nhau, nền giáo dục của giai cấp này khác nền giáo dục của giai cấp kia là ở mục đích, nội dung và phương pháp.+ Ứng với giái cấp chủ nô có giáo dục chiếm hữu nô lệ; ứng với giai cấp phong kiến có nền giáo dục phong kiến; ứng với giái cấp tư sản có nền giáo dục tư bản chủ nghĩa, ứng với giai cấp vô sản có nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Nền giáo dục của giai cấp này khác nền giáo dục của giai cấp kia là ở mục đích, nội dung và phương pháp. |  |
| Câu 41: Phải thực hiện phổ cập giáo dục, nâng cao dân trí | Vì:+ Nhu cầu phát triển của nhân dân cao+ Nhân dân ta vốn có truyền thống hiếu học+ Do yêu cầu của công cuộc xây dựng đất nước |  |
| Câu 42: Ý không phải là nội dung của nguyên lý giáo dục: Phương thức thực hiện mục đích giáo dục | Căn cứ Điều 3 Luật Giáo dục 2019 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2020) quy định về tính chất và nguyên lý giáo dục như sau:1. Nền giáo dục Việt Nam là nền giáo dục xã hội chủ nghĩa có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại, lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng.2. Hoạt động giáo dục được thực hiện theo nguyên lý học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội." |  |
| Câu 43: Nguyên lí giáo dục là gì? | Luận điểm cơ bản của lí luận giáo dục (nghĩa hẹp) | Nguyên lý giáo dục là các quy luật tổng quát được xác định để định hướng và phát triển hệ thống giáo dục. Nó bao gồm các giá trị, mục tiêu và phương pháp giáo dục, được xác định để hướng đến sự phát triển toàn diện của con người. |
| **Chương 5**: HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN |
| Câu 44: “Đảm bảo tính mềm dẻo,liên tục,liên thông’’ là một trong những… | Nguyên tắc xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân |  |
| Câu 45: Hệ thống giáo dục quốc dân là tập hợp | Các loại hình nhà trường: + Trường công lập + Trường dân lập + Trường tư thụcCác loại hình giáo dục: + Giáo dục chính quy + Giáo dục thường xuyên |  |
| Câu 46: Hệ thống giáo dục quốc dân Việt nam hiện nay gồm những cấp bậc/bậc học | Giáo dục mầm non:+ 3 tháng đến 3 tuổi+3 đến 6 tuổi.Giáo dục phổ thông+ Giáo dục tiểu học+ Giáo dục THCS+ Giáo dục THPT + Giáo dục chuyên biệtGiáo dục nghề nghiệp+ Giáo dục sơ cấp (dạy nghề)+ Giáo dục trung học+ Giáo dục cao đẳngGiáo dục đại học + Giáo dục sau đại học**+ Trình độ thạc sĩ (Master)****+ Nghiên cứu sinh (Tiến sĩ)** |  |
| Câu 47: **Nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân VN đc tổ chức theo loại hình:** | **Trường công lập,trường dân lập,trường tư thục** |  |
| Câu 48: **Cơ sở giáo dục mầm non bao gồm:** | + Nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập nhận trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 03 tuổi+ Trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo độc lập nhận trẻ em từ 03 tuổi đến 06 tuổi;+ Trường mầm non, lớp mầm non độc lập là cơ sở giáo dục kết hợp nhà trẻ và mẫu giáo, nhận trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi. |  |
| **Chương 6**: LAO ĐỘNG SƯ PHẠM CỦA GIÁO VIÊN |
| Câu 49: Đối tượng của lao động sư phạm là nhân cách của học sinh | Sự tác động lẫn nhau giữa hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh tạo nên kết quả dạy - học, nghĩa là làm biến đổi nhân cách của người học |  |
| Câu 50: Trong hệ thống kĩ năng cơ bản cần phải có của giáo viên, có kĩ năng tổ chức | Hoạt động dạy của người giáo viên: Đó là hoạt động lãnh đạo, tổ chức, điều khiển hoạt động nhận thức |  |
| Câu 51: Điền vào chỗ trống | *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên* là hệ thống các yêu cầu cơ bản đối với giáo viên về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ |  |
| Câu 52: Điền vào chỗ trống | Nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục, không có cán bộ, mà không có giáo dục, không có cán bộ thì nói gì đến *kinh tế* và *văn hóa*. |  |
| Câu 53:Lao động sư phạm có ý nghĩa như một yếu tố xã hội, góp phần “sáng tạo ra con người” là đặc điểm của mục đích GD | Mục đích của giáo dục:-Mục tiêu ở cấp độ tổng quá:+Nhà nước xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân là để tạo mọi điều kiện cho nhân dân được học tập (giáo dục cho mọi người), nhằm biến nước ta thành một xã hội học tập.+Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá,v hiện đại hoá đất nước, để từng bước hoà nhập và tiến kịp trình độ trong khu vực và trên thế giới+Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Giáo dục phải làm phát triển tối đa tiềm năng của những người có tài, để họ đóng góp được nhiều nhất cả sức lực và trí tuệ cho sự phát triển xã hội. Giáo dục phải có các biện pháp nhằm thực hiện tốt nhất tư tưởng chiến lược về đào tạo-Mục tiêu nhân cách+Mang đầy tính nhân văn được các nhà giáo dục cổ đại đề xướng theo quan niệm về sự phát triển hài hoà giữa thể chất, trí tuệ và tình cảm của con người.+Coi trọng việc xây dựng con người phát triển toàn diện, con người vừa có đức, vừa có tài. |  |
| Câu 54: Người giáo viên Trung học thường sử dụng các phương pháp để tác động đến học sinh:  | -Các thiết bị, khoa học kĩ thuật để chèn, thêm các video sinh động nhằm mục đích kích thích sự phát triển, sáng tạo, đam mê của các em học sinh-Năng lực trí tuệ, đạo đức của người giáo viên sẽ giúp các em phát triển về cả mặt “tài” và mặt “đức”- Ốc thẩm mỹ phong phú khiến cho trẻ em được mở mang tầm mắt về những sự vật, hoạt động tưởng chừng là đơn giản những quá ra lại sâu sắc, thú vị đến lạ thường |  |
| Câu 55: Người giáo viên có vai trò | -Giữ gìn truyền thống dân tộc, tinh hoa văn hóa tốt đẹp của nhân loại.-Truyền thụ kiến thức và kỹ năng kĩ xảo tương ứng.-Truyền thụ những tinh hoa văn hóa dân tộc, những tiến bộ xã hội.- Dạy cho học sinh những đức tính tốt, giúp các em phát triển toàn diện.- Rèn luyện cho học sinh cả về tài và đức. |  |
| Câu 56: Hoạt động của người giáo viên là công việc khó khăn và phức tạp vì | -Cơ chế quản lý giáo dục không hợp lí:+Thay đổi các chương trình dạy học nhưng không đạt sự hiệu quả+Thay đôỉ chương trình khiến chương trình học trở nên năng hơn, giáo viên phải tìm hiểu về chương trình mới +Quản lý giáo dục vẫn chưa lắng nghe ý kiến góp ý của giáo viên, làm theo ý kiến của bản thân khiến việc dạy học của giáo viên ngày càng gặp khó khăn hơn |  |
| Câu 57: Trong giáo dục, người ta có thể chấp nhận phế phẩm không?Có nhưng tùy vào trường hợp | Không có phế phẩm chỉ có người không chịu cố gắng phát triển bản thân thôi. Những người bị tật quyền (phế phẩm) nhờ sự cố gắng hết mình mà đã trở thành một nhà giáo thực sự, cống hiến cả bản thân mình cho ngành giáo dục |  |
| Câu 58: Tình cảm cao thượng của người giáo viên được biểu hiện | - Ở lòng yêu trẻ yêu, yêu mến học sinh, kính trọng các thầy cô khác.- Có tính kiên trì trong quá trình giảng dạy học sinh của mình.- Biết kiềm chế cảm xúc,không có những lời lẻ không đúng mực với ngành sư phạm.- Lịch sự với học sinh của mình.- Động viên học sinh vượt qua những khó khăn thử thách.- .Tâm sự, trò chuyện với các em học sinh. |  |
| Câu 59: Người giáo viên không ngừng nâng cao trình độ vì | -Thời đại kĩ thuật số, công nghệ phát triển vượt bật. Nếu giáo viên không thích ứng với thời đại này thì sẽ trở nên lạc hậu, rất khó trong việc giảng dạy của mình.-Trình độ của các em học sinh cũng đã được nâng cao. Vì vậy đòi hỏi người giáo viên cũng cần phải nâng cao trình độ để thực hiện việc giáo dục một cách tốt nhất-Để khẳng định bản thân với xã hội, trường học và các em học sinh |  |
| **Chương 7**: CÔNG TÁC CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG.. |
| Câu 60: Chức năng của GVCN | -Theo dõi quản lí giáo dục học sinh -Cố vấn cho các hoạt động tự quản của tập thể học sinh -Phối hợp và thống nhất các tác động để giáo dục học sinh -Đánh giá kết quả giáo dục toàn diện của học sinh lớp mình chủ nhiệm |  |
| Câu 61: GVCN cần có khả năng nào để phát huy vai trò cố vấn | -Có khả năng kích thích tiềm năng sáng tạo của học sinh -Lôi cuốn tất cả học sinh tham gia các hoạt động của lớp -Hướng dẫn học sinh xây dựng kế hoạc giáo dục toàn diện  |  |
| Câu 62: Giai đoạn mà các hoạt động dần đi vào nề nếp , các mối quan hệ được củng cố và phát huy tác dụng , tập thể là nơi gắn bó tiền cảm và trách nhiệm giữa các cá nhân với nhau | là giai đoạn tập thể đã được hình thành  |  |
| Câu 63: người tạo ra sự thống nhất giữa các tác động giáo dục trong nhà trường , giữa các giáo viện đến tập thể học sinh  | Giáo viên chủ nhiệm  |  |
| Câu 64: Vai trò của giáo viên chủ nhiệm  | -Góp phần quyết định sự thành bại trong công tác giáo dục của nhà trường-Phối hợp và thống nhất các tác động để giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm -Kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục toàn diện của học sinh lớp chủ nhiệm |  |
| Câu 65: Đặc trưng của tập thể học sinh  | -Là một bộ phận của nhà trường , có quan hệ mật thiết với các tập thể khác -Có mục đích và hoạt động chung phù hợp với lợi ích của từng thành viên trong tập thể và xã hội -Có đơn vị tự quản ,được phân công trách nhiệm hoạt động theo cơ chế |  |
| Câu 66: Hoạt động thể hiện chức năng cầu nối của GVCN  | -Truyền đạt đầy đủ kế hoạch giáo dục của nhà trường đến học sinh , biến kế hoạch đó thành chương trình hành động của tập thể lớp -Tập hợp ý kiến của học sinh phản ánh lên các tổ chức nhà trường  |  |
| **Chương 8**: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ VẤN ĐỀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG |
| Câu 67: Mục đích quản lý nhà trường: | + Đưa nhà trường từ trạng thái hiện có lên trạng thái chất lượng hơn+ Đào tạo lớp thanh niên thông minh, sáng tạo, tự chủ, năng động, biết sống và phấn đấu + Xây dựng và phát triển mạnh mẽ các nguồn lực giáo dục  | Quản lý nhà trường là một hệ thống những tác động sư phạm khoa học và có tính định hướng của chủ thể quản lý đến tập thể giáo viên, học sinh và các lực lượng xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm làm cho nhà trường vận hành theo đúng đường lối và nguyên lý giáo dục của Đảng trong thực tiễn Việt Nam |
| Câu 68: Lựa chọn không phải là nguyên tắc quản lý của nhà trường | Quản lý theo chất lượng |  |
| Câu 69: Cấp quản lý nhà nước cao nhất cao nhất với mọi nhà trường | + Bộ GD&ĐT (chịu trách nhiệm trước Chính phủ)+ Sở GD&ĐT (chịu trách nhiệm trước UBND cấp tỉnh)+ Phòng GD&ĐT (chịu trách nhiệm trước UBND cấp huyện) |  |
| Câu 70: Lựa chọn không phải là nhân lực giáo dục | Ngân sách giáo dục |  |
| Câu 71: Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch năm học có nội dung | Nhằm phát hiện sai sót, lệch lạc, tìm nguyên nhân điều chỉnh, uốn nắn kịp thời |  |
| Câu 72: Quản lý trường học là hoạt động của | + Các cơ quan quản lý giáo dục+ Ban giám hiệu nhà trường  |  |
| Câu 73: Trong giáo dục, từ “quản lý” có thể hiểu là | + Hoạt động có mục đích+ Tạo môi trường thuận lợi để mọi cá nhân hợp tác vì mục tiêu chung+ Tận dụng mọi nguồn lực, cơ hội để đạt mục tiêu chung  |  |

Thành viên nhóm:

- Bùi Phạm Phương Anh (Chương 1)

- Trương Võ Yến Nhi (Chương 2)

- Trần Ngọc Khánh An (Chương 3)

- Phạm Hoàng Gia Hân (Chương 4, Tổng hợp)

- Phạm Thị Quỳnh Giao (Chương 5)

- Nguyễn Đức Trí (Chương 6)

- Chu Mai Gia Hân (Chương 7)

- Triệu Thị Hồng Nhật (Chương 8)